

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: **30/01/2018**

V/v: *“Tranh chấp ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoài Đức Huệ.

Ông Trần Văn Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Thủy – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 629/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc *“Tranh chấp ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm: 1979.

- Bị đơn: Anh Võ Quy S, sinh năm: 1974.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện N, Đồng Nai.

(chị G có mặt, anh S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2017, biên bản lấy lời khai đương sự ngày 27/11/2017, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 27/11/2017, ngày 13/12/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Võ Quy S tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 23/02/2010.

Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn về kinh tế gia đình và anh S có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Do mâu thuẫn trầm trọng, anh S đã tự ý bỏ nhà đi và không liên lạc với gia đình từ năm 2012 cho đến nay nên chị đã yêu cầu tuyên bố anh S mất tích. (ngày 12/9/2017, Tòa án nhân dân huyện N đã ban hành quyết định về việc tuyên bố anh S mất tích).

Nay chị nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ Quy S.

Về con chung: Có một con chung là cháu Võ Thảo V, sinh ngày: 07/7/2010, ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu V không yêu cầu anh S cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Võ Quy S trình bày:

Anh Võ Quy S bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 01/2012 và đã được Tòa án tuyên bố mất tích theo quyết định số 09 ngày 12/9/2017. Sau khi thụ lý vụ án nêu trên, Tòa án tiếp tục triệu tập anh S, nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do nên anh S không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị G là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị G được ly hôn với anh S. Về con chung: Giao con chung cho chị G nuôi dưỡng, tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị G trình bày không có nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị G phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị Ngọc G khởi kiện xin ly hôn với anh Võ Quy S, sinh năm: 1974, địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện N, Đồng Nai. Nên căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là “*Tranh chấp ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ngọc G nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

Anh Võ Quy S đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Võ Quy S chung sống tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 23/02/2010 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của chị G, quá trình chung sống của vợ chồng chị thì thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn về kinh tế gia đình và anh S có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Do mâu thuẫn trầm trọng, anh S đã tự ý bỏ nhà đi và không liên lạc với gia đình từ năm 2012 cho đến nay, chị G đã yêu cầu tuyên bố mất tích đối với anh S và Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch ban hành quyết định tuyên bố anh S mất tích. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập anh S làm việc, hòa giải, xét xử nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện việc anh S không có thiện trí hòa giải, hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Từ những cơ sở trên, xét thấy mâu thuẫn giữa chị G với anh S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị G xin ly hôn với anh S là có căn cứ.

Về con chung: Có một con chung là cháu Võ Thảo V, sinh ngày: 07/7/2010, ly hôn chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu V không yêu cầu anh S cấp dưỡng và tại biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2017, cháu V có nguyện vọng được ở với chị G nên chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị G.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chị G phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Như nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp ly hôn*” của chị Nguyễn Thị Ngọc G.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc G được ly hôn với anh Võ Quy S.

Về con chung: Giao cháu Võ Thảo V, sinh ngày: 07/7/2010 cho chị Nguyễn Thị Ngọc G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Võ Quy S tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Võ Quy S có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc G phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001961 ngày 25/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Chị G đã nộp xong án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAT, THA, VKS;
- Đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương